

7 Tháng Hai 2022

Vn-Index - 6 tháng



HỒI PHỤC NHANH CHÓNG

- Vn-Index tăng điểm mỗi lúc 1 cao hơn trong suốt cả ngày giao dịch
- Như vậy, Vn-Index đã hồi phục được gần hết cây nến giảm của ngày hôm qua
- Nhóm tăng mạnh là ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, dược phẩm, và hàng tiêu dùng
- Trong khi đó, nhóm giảm mạnh là sẫm lớp, logistics, và dầu khí
- Thị trường đang biến động quá mạnh với các thông tin xảy ra trên thị trường quốc tế, do đó sẽ rất khó để nhận định trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong trung hạn từ 3 tháng, chúng tôi vẫn có niềm tin rằng Vn-Index sẽ tiến tới vùng 1,600 - 1,700 điểm
- Tuy nhiên, tin tốt là dòng tiền vẫn đang hướng vào dòng dầu khí và hàng tiêu dùng
- Thanh khoản giảm: 22.5% thấp hơn trung bình 20 phiên, và 26.4% thấp hơn ngày giao dịch liền trước.
- Khối ngoại mua ròng rất mạnh, trong đó mua nhiều STB MSN VHM GAS DXG KBC GEX, và bán ra nhiều VRE

Điểm tin hàng ngày

- Fed vẫn để ngỏ lộ trình tăng lãi suất sau hai tháng họp chính sách. Chủ tịch Jerome Powell và các quan chức cấp cao của FOMC đến nay vẫn chưa có phát biểu công khai nào liên quan đến lộ trình tăng lãi suất. Ông Powell mới chỉ thay đổi giọng điệu trong quan điểm chính sách, là sẵn sàng tăng lãi suất nhanh hơn nếu cần thiết. Fed sẽ phải tính toán và tìm ra cách để kiềm chế lạm phát mà không gây ra rủi ro cho đà phục hồi kinh tế.
- Giá thép trong nước đồng loạt tăng. Tại miền Bắc và miền Nam, với thương hiệu Hòa Phát, giá thép cuộn CB240 hiện ở mức 17,02 triệu đồng/tấn, loại cây D10 CB300 là 17,12 triệu đồng/tấn, đồng loạt tăng 300.000 đồng/tấn so với ngày 14/2. Với thương hiệu thép Việt Ý, CB240 tăng 310.000 đồng/tấn, hiện ở mức 16,66 triệu đồng/tấn; D10 CB300 tăng 150.000 đồng/tấn, ở mức 16,82 triệu đồng/tấn.

Giao dịch trong ngày

| | Vn-Index | HNX | UPCOM |
|---------------------------------|----------|---------|---------|
| Đông cửa | 1,492.8 | 423.8 | 111.2 |
| Tăng/giảm (+/-) | ↑ 20.8 | ↑ 2.8 | ↑ 0.4 |
| Tăng/giảm (%) | ↑ 1.41% | ↑ 0.67% | ↑ 0.32% |
| Khối lượng giao dịch (triệu cp) | 572 | 48 | 46 |
| Tổng GTGD (tỷ) | 17,486 | 1,409 | 1,059 |
| GTGD nđt nước ngoài (tỷ) | 977 | (7) | 27 |
| Cổ phiếu tăng giá | 266 | 117 | 166 |
| Cổ phiếu giảm giá | 164 | 86 | 140 |
| Cổ phiếu đứng giá | 59 | 79 | 77 |
| PE* | 16.8 | 21.3 | 23.5 |
| PB* | 2.6 | 2.4 | 2.7 |
| Vốn hóa (ngàn tỷ)* | 5,839 | 470 | 1,448 |

*: Dữ liệu từ ngày giao dịch liền trước

Mỗi ngày 1 cổ phiếu

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Mã: CTG

| | |
|-----------------------|---------|
| Giá cổ phiếu hiện tại | 34,950 |
| PE hiện tại | 10.1 |
| Vốn hóa (tỷ) | 166,279 |

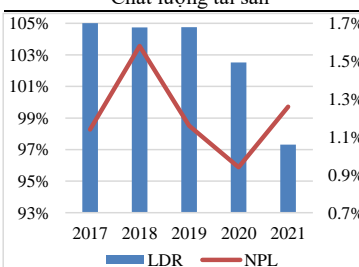
| Tỷ VND | 2018A | 2019A | 2020A | 2021F |
|--------------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | 28,738 | 40,519 | 45,279 | 53,148 |
| yoy | -11.9% | 41.0% | 11.7% | 17.4% |
| LNST | 5,275 | 9,461 | 13,694 | 14,092 |
| yoy | -29.0% | 79.4% | 44.7% | 2.9% |
| Tỷ suất LNST | 18.4% | 23.3% | 30.2% | 26.5% |
| EPS | 1,036 | 1,966 | 2,929 | 2,932 |
| P/E | 42.3 | 22.3 | 15.0 | 11.9 |

Nguồn: FiinPro

Cập nhật kết quả kinh doanh quý 4: TRUNG LẬP

- Thu nhập lãi thuần tăng trưởng rất khiêm tốn 1.07% do NIM giảm tới 39 bps để hỗ trợ khách hàng ảnh hưởng bởi Covid-19. Mặc dù vậy, tăng trưởng tín dụng và huy động trong quý 4 đạt khá cao, lần lượt là 4.2% và 8.3% yoy. Hệ số LDR được cải thiện từ 102.5% xuống còn 97.3%
- Lãi từ dịch vụ cũng tăng thấp 1.14% và thu nhập ngoại hối thậm chí giảm 6%
- Tuy nhiên, thu nhập khác tăng mạnh 89% từ bán các tài sản thế chấp (trong đó chủ yếu là bất động sản) do thị trường bất động sản tăng tốt trong vòng 1 năm qua
- Chi phí hoạt động tăng 1.94% do các khoản chi phí (trong đó chủ yếu là chi phí nhân sự) đều được kiểm soát chặt chẽ
- Chi phí dự phòng rủi ro nợ xấu tăng tới 5.2 lần. Chất lượng tài sản được cải thiện so với quý 3, tuy nhiên vẫn giảm đáng kể so với cuối năm 2020: 1) Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 0.94% lên 1.26%, và 2) Tổng số dự nợ nhóm 3,4,5 tăng 50% (trong khi tăng trưởng tín dụng chỉ là 11.4%)
- Cuối cùng, LNST giảm tới 46% yoy, chủ yếu do doanh thu tăng chậm, trong khi đó chi phí dự phòng lại quá cao

Chất lượng tài sản



Nguồn: CTG

Cơ cấu nhóm nợ

| | 2021 | 2020 |
|-------------|------------------|------------------|
| Nhóm 1 | 1,104,465 | 1,003,015 |
| Nhóm 2 | 11,902 | 2,799 |
| Nhóm 3 | 7,096 | 1,857 |
| Nhóm 4 | 2,003 | 1,612 |
| Nhóm 5 | 5,202 | 6,050 |
| Tổng | 1,130,668 | 1,015,333 |

Nguồn: CTG

Khuyến cáo: Báo cáo này không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. Các khuyến nghị trong báo cáo này có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư. Các thông tin, dự báo và khuyến nghị trong bản báo cáo này được dựa trên các nguồn tin cậy, tuy nhiên, NHSV không đảm bảo chắc chắn sự chính xác hoàn toàn và đầy đủ của các nguồn thông tin này. NHSV không chịu trách nhiệm đối với các lỗi, thiếu sót, sai sót, sơ suất, không chính xác trong tài liệu này